

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ĐẶC ĐIỂM KÊNH CHỮ CỦA DIỄN NGÔN FLEX
NHÌN TỪ LÝ THUYẾT NGỮ VỰC

TRẦN KIM PHƯƠNG* - HOÀNG NGUYỄN MINH KHUÊ**

TÓM TẮT: Diễn ngôn flex là sản phẩm của hiện tượng flex - một hiện tượng ngôn ngữ - xã hội hấp dẫn, thú vị, thu hút hàng triệu người quan tâm ở Việt Nam. Đây là một loại diễn ngôn đa phương thức, gồm cả kênh chữ và kênh hình, ghi lại những điều đáng tự hào hoặc những điểm độc đáo của bản thân hay người thân mà chủ thể phát ngôn muốn khoe với mọi người.

Khảo cứu kênh chữ trong diễn ngôn flex từ góc độ ngữ vực - một lý thuyết căn bản của Phân tích diễn ngôn - giúp ta thấy được sự đặc dụng của lý thuyết này trong nghiên cứu diễn ngôn và đồng thời cũng cho ta hiểu thêm về cách nói năng cũng như đời sống tinh thần của giới trẻ trong xã hội hiện đại - xã hội mà họ hoàn toàn được bộc lộ bản thân mình trước đám đông.

TỪ KHÓA: diễn ngôn; phân tích diễn ngôn; ngữ vực; flex; kênh chữ.

NHẬN BÀI: 22/07/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 02/08/2024

1. Mở đầu

Phân tích diễn ngôn (PTDN), xuất hiện từ những năm 60 của thế kỉ XX, dần trở thành một bộ phận quan trọng của ngôn ngữ học. Với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của PTDN, bộ công cụ lý thuyết được sử dụng trong lĩnh vực này ngày càng được mở rộng. Trong đó, lý thuyết ngữ vực là một trong những công cụ đặc lực nhất, có khả năng bao chứa nhiều khái niệm, giúp việc phân tích một diễn ngôn đạt được cả bề rộng và bề sâu, có thể ứng dụng với diễn ngôn ở nhiều thể loại, dung lượng khác nhau. Ở đây, chúng tôi áp dụng lý thuyết ngữ vực để phân tích kênh chữ của diễn ngôn flex, nhằm tìm hiểu xem diễn ngôn đó phản ánh điều gì, qua những phương thức nào, và vì sao chủ thể tạo lập diễn ngôn thực hiện nó, cơ sở cho việc thực hiện nó là gì.

Bản thân diễn ngôn flex là một diễn ngôn đa phương thức, được xây dựng chủ yếu từ hai kênh: kênh chữ - ngôn ngữ và kênh hình - hình ảnh. Bài viết này tập trung nghiên cứu kênh chữ của diễn ngôn flex, kênh hình sẽ được trình bày trong một công trình khác.

Ngữ liệu khảo sát là 250 bài đăng trên trang Facebook “Flex đến hơi thở cuối cùng” (gồm 1,9 triệu thành viên; thành lập vào ngày 24 tháng 5 năm 2023 bởi tài khoản Đặng Hữu Thịnh)¹.

2. Các lý thuyết có liên quan

2.1. Lý thuyết ngữ vực

Khái niệm ngữ vực (*register*) được đưa ra nhằm hướng đến mục đích nghiên cứu các biến thể ngôn ngữ trong sử dụng, gắn với một ngữ cảnh tình huống cụ thể mà ở đó diễn ngôn được tạo lập. Ngữ vực là một *cấu hình nghĩa* có tính chất tiềm năng của diễn ngôn, gắn liền với các đặc điểm tình huống và được thể hiện qua hình thức ngôn ngữ phù hợp. Nó được đặc trưng bởi ba yếu tố: trường (*field*), không khí (*tenor*) và phương thức (*mode*). Từ góc nhìn của lý thuyết ngữ vực, diễn ngôn được phân tích trong mối quan hệ với các siêu chức năng ngôn ngữ.

2.2. Nguồn gốc tên gọi và khái niệm “hiện tượng flex”

Động từ *flex* có nguồn gốc từ tiếng Latinh “*flectere*”, có nghĩa là “*uốn cong, co duỗi, gãy dập*”. Nó bắt đầu được sử dụng trong tiếng Anh từ thế kỉ XIV để chỉ việc uốn cong một vật thể nào đó. Rộng hơn, *flex* còn được dùng theo nghĩa “*thay đổi một điều gì đó để nó phù hợp hơn với hoàn cảnh cụ thể*” (dẫn theo *Cambridge Dictionary*). Vào thế kỉ XVII, *flex* phải sinh nét nghĩa, chỉ việc “*uốn cong cơ bắp*” như các nghệ sĩ xiếc uốn dẻo trên sân khấu². Đây cũng chính là tiền thân của từ *flex*

*PGS.TS; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Email: tkphuong70@yahoo.com

**Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Email: hoangkhuecva2@gmail.com

được dùng theo nghĩa “khoe khoang” như ngày nay.

Với sự “lãng-xê” của các rapper đình đám trên thế giới, *flex* chuyển nghĩa để chỉ hành động khoe khoang quá đà gây khó chịu cho những người xung quanh. Rapper Ice Cube là người tiên phong sử dụng từ *flex* trong bài hát *It was a good day*, tiếp sau đó là những rapper nổi tiếng như Cardi B, Drake, Travis Scott, A\$AP Rocky,... Như mọi trào lưu thời thượng khác, công thức “sự thú vị + được người nổi tiếng truyền bá” đã khiến *flex* (hay flexing) trở nên phổ biến trên khắp thế giới.

Từ một động từ chỉ hành động *khoe*, *flex* trở thành tên gọi cho một hiện tượng trong đó người tham gia khoe về những điều khiến họ cảm thấy tự hào. Cách thức hường ứng hiện tượng *flex* chủ yếu thông qua việc đăng bài trên các trang mạng xã hội. Hiện tượng *flex* trở thành đề tài nóng hổi, với độ phủ sóng toả khắp trong thời gian gần đây bởi nó sinh ra trong thời đại lên ngôi của công nghệ, nhưng quan trọng hơn là do nó tạo được môi trường, cơ hội cho người trẻ thể hiện, khẳng định giá trị bản thân, khuyến khích sự tự tin của chính mình.

2.3. Hiện tượng *flex* ở Việt Nam và diễn ngôn *flex*

2.3.1. Hiện tượng *flex* ở Việt Nam

Ở Việt Nam, con đường trở thành hiện tượng của *flex* cũng giống như trên thế giới, nhờ vào đóng góp không nhỏ của các rapper. Cụ thể, rapper 16 Typh đã khiến từ *flex* nổi lên khi anh đưa nó vào ca khúc *Don't waste my time* để tham dự kì thi *Rap Việt* đình đám mùa đầu tiên với câu hát được phổ nhạc bắt tai: “*Flexing, making money, more*” (khoe khoang, kiếm tiền, và hơn thế). Khoảng giữa tháng 5 năm 2023, khi chương trình *Rap Việt* mùa 3 lên sóng, khán giả thế hệ gen Z lập tức xôn xao khi từ *flex* liên tục xuất hiện và du nhập nhanh chóng vào ngôn ngữ giới trẻ Việt. *Flex* trở thành một hiện tượng rầm rộ ở Việt Nam năm 2023 và vẫn là một chủ đề nóng hổi cho đến hiện tại. Sự bùng nổ của hiện tượng này ở nước ta thể hiện rõ hơn bao giờ hết ở những thống kê cụ thể trên các nền tảng mạng xã hội³.

Hiện tượng *flex* ở Việt Nam nhìn chung là một trào lưu lôi cuốn, vui tươi, ở đó mọi người có thể khoe bất cứ điều gì khiến mình cảm thấy tự hào hoặc một điểm độc đáo, nổi bật ở bản thân mà người khác không có. Từ *flex* giờ đây không còn xa lạ với giới trẻ gen Z. Khởi nguồn từ mạng xã hội, từ *flex* đi vào đời sống và được sử dụng trong giao tiếp đời thường của nhiều người, thay thế cho từ “khoe” trong tiếng Việt.

2.3.2. Diễn ngôn *flex*

Diễn ngôn *flex* vừa là sản phẩm của hiện tượng *flex*, vừa là công cụ thực hiện hành động *flex*. Theo chúng tôi, *diễn ngôn flex* là sản phẩm được tạo bởi sự kết hợp của hai phương thức biểu hiện (ngôn ngữ và hình ảnh), ghi lại những điều đáng tự hào hoặc những điểm độc đáo của bản thân hay người thân mà chủ thể phát ngôn muốn khoe với mọi người. Ví dụ:

Năm đó mình đậu trường Phổ thông năng khiếu lớp Văn, nhưng mẹ bảo con trai học văn thường yếu đuối và cảm xúc nên mình thôi. Mình học chuyên Lý từ lớp 6 đến Đại học. Bằng của mình là Sư phạm Vật lý. Và hiện tại mình là thành viên của Hội Nhà văn với 10 cuốn sách đã được phát hành. ^^
Đam mê là không bao giờ được từ bỏ nha!



Đây là một diễn ngôn đa phương thức, “khoe khéo” về bản thân mình với hai điều đặc biệt: vừa giỏi vật lý (học chuyên Lý, tốt nghiệp Đại học Sư phạm), vừa giỏi văn (đậu trường phổ thông năng khiếu lớp Văn, thành viên Hội Nhà văn). Kênh hình hỗ trợ cho kênh chữ: bìa của 10 cuốn sách đã được xuất bản. Phần ngôn ngữ còn là một lập luận với các luận cứ nghịch hướng để đưa tới một thông điệp có tính “truyền cảm hứng”: *Đam mê là không bao giờ được từ bỏ.*

3. Kết quả nghiên cứu

Khảo sát 250 diễn ngôn flex từ góc độ ngữ vực, chúng tôi nhận thấy đây là loại diễn ngôn độc đáo trên phương diện trường, phương thức và không khí.

3.1. Trường của diễn ngôn flex

Trường của diễn ngôn bao gồm các nội dung: hoàn cảnh rộng và hẹp của diễn ngôn, chủ đề của diễn ngôn với các từ ngữ điển hình của nó.

3.1.1. Hoàn cảnh rộng và hẹp của diễn ngôn flex

Diễn ngôn flex thuộc thể loại diễn ngôn mạng xã hội, xuất hiện trong bối cảnh năng động, hiện đại của xã hội Việt Nam thế kỉ XXI. *Hoàn cảnh rộng* của việc ra đời diễn ngôn flex xoay quanh vấn đề *thể hiện bản thân trước cộng đồng* thông qua việc khoe những điều đáng tự hào hoặc những điều đặc biệt mà mỗi cá nhân sở hữu. Nhìn từ góc độ tâm lí học, hành động flex xuất phát từ nhu cầu được thể hiện bản thân (self - actualization), tìm kiếm động lực để trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, đồng thời có được sự công nhận từ những người xung quanh. Đó là nhu cầu chính đáng nhưng vốn bị hạn chế ở nhiều nền văn hoá Đông phương nói chung và Việt Nam nói riêng - nơi sự khiêm tốn được coi là chuẩn mực đạo đức, ứng xử. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, giới trẻ Việt Nam hiện đại đang tìm những cách khác nhau để giải toả nhu cầu được thể hiện chính mình. Có thể kể đến một số trào lưu thời thượng được giới trẻ Việt cập nhật từ thế giới như: bóc giá trang phục, chụp ảnh “ngã từ xe ô tô” với những món đồ giá trị “rơi ra” xung quanh, các rich kid (con nhà giàu) quay video cuộc sống sang chảnh,... Hiện tượng flex cũng nằm trong số đó. Chính ở đây, hiện tượng flex thể hiện được mặt tích cực nhất của mình: trân trọng, đề cao, khuyến khích cá nhân tự tin, tự hào về bản thân với một cách thể hiện phù hợp. Đó cũng chính là thái độ sống cần thiết trong xã hội hiện nay, để mỗi cá nhân có thể tìm kiếm cơ hội, chỗ đứng, để những vẻ đẹp riêng được toả sáng theo cách của mình.

Hoàn cảnh hẹp của diễn ngôn flex là việc các thành viên đăng bài trên trang Facebook “Flex đến hơi thở cuối cùng” với mục đích *khoe một điều gì đó liên quan đến bản thân mình*. Sự hình thành của trang mạng xã hội này tạo một môi trường cởi mở, tích cực, nơi việc *khoe* được khuyến khích và đón nhận nhiệt tình thay vì bị coi là hành động tiêu cực, kiêu ngạo. Môi trường mạng xã hội Facebook với các tính năng của nó (chủ thể flex được ẩn thân tương đối sau chiếc “màn hình”, các công cụ hỗ trợ trong soạn thảo văn bản như in đậm, in nghiêng chữ, kết hợp các kí tự hình ảnh (emoji),...) cũng là một yếu tố thúc đẩy việc đăng bài của các thành viên, giúp họ cảm thấy dễ dàng hơn khi tự nói về mình, dưới những hình thức trình bày phong phú.

3.1.2. Chủ đề trong diễn ngôn flex và trường từ vựng biểu hiện chủ đề

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi ghi nhận 13/250 diễn ngôn có tính *đa chủ đề* một cách rõ ràng, khi người viết muốn đồng thời khoe nhiều nội dung trong một bài đăng. Do đó, khi xem xét tương quan tỉ lệ giữa các chủ đề, số mẫu được sử dụng là 263. Kết quả khảo sát cho thấy hiện tượng flex ở Việt Nam tập trung vào 11 chủ đề chính với sự phân bố tỉ lệ như sau:

Bảng 1. Chủ đề chính của diễn ngôn flex

Chủ đề	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1. Thành tựu trong học tập, công việc	90	34,22
2. Những thứ độc đáo, khác người	40	15,21

3. Gia đình	23	8,74
4. Trải nghiệm	22	8,36
5. Sự giàu có	21	7,99
6. Sở thích	16	6,08
7. Đóng góp cho xã hội	13	4,95
8. Đồ cổ	13	4,95
9. Thần tượng	11	4,18
10. Nghị lực vượt khó	8	3,04
11. Thú cưng	6	2,28
TỔNG	263	100

Có thể thấy, *chủ đề* của hiện tượng flex rất phong phú, phản ánh thế giới kinh nghiệm đa chiều, thể hiện những mối quan tâm khác nhau của giới trẻ Việt. Những quan niệm xã hội về những điều nên khoe cũng có ảnh hưởng nhất định lên sự phân bố tỉ lệ của các chủ đề. Chủ đề *Thành tựu trong học tập, công việc* chiếm số lượng nhiều nhất (34,22%), cho thấy truyền thống hiếu học của dân tộc cũng như nền kinh tế trí thức trong thời hiện đại có ảnh hưởng không nhỏ tới mối quan tâm của giới trẻ; trong khi đó, chủ đề *Sự giàu có* chiếm một tỉ lệ khiêm tốn (7,99%), do khoe tiền vẫn là một vấn đề nhạy cảm với mọi xã hội ở mọi thời, ... Những điều này cho thấy mối quan hệ biện chứng giữa ngữ cảnh xã hội, ngôn ngữ và tư tưởng. Đồng thời, có những mảng chủ đề như *Những thú độc đáo, khác người* hay *Nghị lực vượt khó* thể hiện quan điểm mới mẻ, hiện đại, cập nhật của giới trẻ Việt về vẻ đẹp độc đáo của cuộc sống và bản thân thông qua việc khoe những điều vốn bị coi là khác người, lập dị hay đáng xấu hổ. Bảng diễn ngôn flex, họ thể hiện tiếng nói mạnh mẽ trong việc thay đổi những quy chuẩn cứng nhắc về vẻ đẹp trong đời sống hiện đại.

Các chủ đề của diễn ngôn flex được tập trung thể hiện qua những từ ngữ liên quan. Đầu tiên phải kể tới chủ đề *Những thành tựu trong học tập, công việc* với số lượng từ ngữ lớn, phong phú như:

- Những danh từ, danh ngữ chỉ vị trí đạt được của cá nhân trong học tập, công việc: *học sinh xuất sắc, du học sinh, sinh viên danh dự, đại sứ sinh viên quốc tế, thủ khoa, thạc sĩ, tiến sĩ, giảng viên, diễn giả, nhà khoa học, nhà vô địch MMA, gương mặt trang bìa, nhà thiết kế, đại sứ thương hiệu, bác sĩ nội trú, giám đốc, thành viên của Hội Nhà văn, tác giả bài báo khoa học...* Đây đều là những vị trí cao, danh giá, những nghề nghiệp được xã hội trọng vọng, thể hiện trình độ học vấn cao của chủ thể.

- Những danh từ, danh ngữ chỉ các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức những người flex theo học, làm việc, tham gia: *Đại học Ngoại thương, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Stanford, Đại học Cambridge, Đại học Johns Hopkins, Đại học Cornell, Đại học Quốc gia Seoul, Đại học Quốc gia Singapore, tập đoàn Mitsubishi, Viện hàn lâm khoa học trẻ toàn cầu,...*

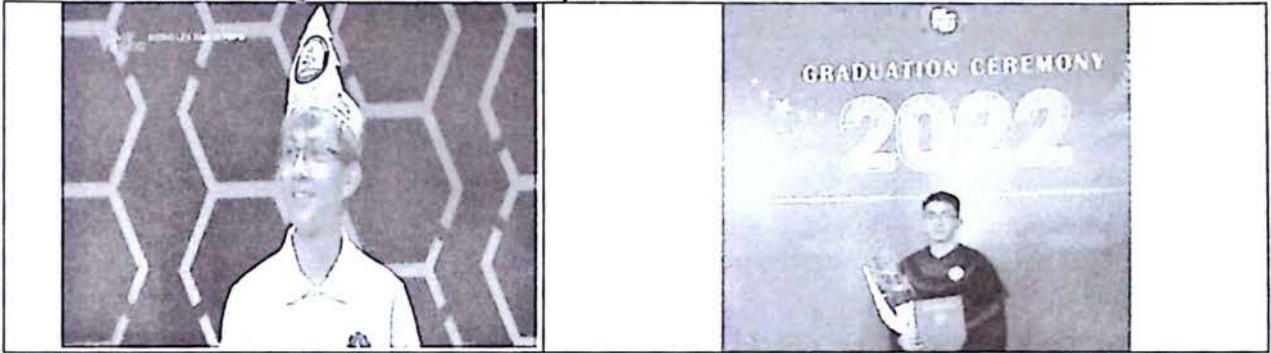
- Những danh từ, danh ngữ chỉ những giải thưởng, bằng khen, thành tích trong học tập: *học bổng chính phủ Nhật, học bổng chính phủ YSEALI Bộ Ngoại giao Mỹ, học bổng Lotte, học bổng Tiến sĩ toàn phần, JLPT N1 (chứng chỉ tiếng Nhật), TOEIC 930 (chứng chỉ tiếng Anh), 6.5 IELTS (chứng chỉ tiếng Anh), huy chương, danh hiệu, giải thưởng, bằng Đồ, bằng giỏi, giải Nhất,...*

- Những động từ, động ngữ thể hiện sự nỗ lực phấn đấu và gặt hái thành quả trong học tập, công việc: *học chuyên, đi thi quốc tế, đạt giải, giành huy chương, nhận học bổng, đến những đất nước mới, được mời phỏng vấn, xuất bản bài báo khoa học, xuất hiện trên VTV1, có nút bạc (Youtube),*

sáng lập thương hiệu sách, lọt top 12 Miss World 2019, biên soạn dịch sách quốc tế, đạt TOP1 doanh thu,...

Ví dụ về 1 diễn ngôn flex chủ đề “Thành tựu trong học tập”

Nếu ai hỏi mình phải chọn giữa việc muốn được lên VTV hơn (Đường lên đỉnh Olympia) hay có giải HSG quốc gia, hay đậu vào trường điểm cao hàng đầu cả nước (Đại học Ngoại thương) thì trẻ con mới chọn, mình là người lớn nên mình lấy hết!



[Bài số 104] TK Pháp Trần

Chủ đề *Sự giàu có* ghi nhận số lượng từ vựng không nhiều, chủ yếu là một số danh từ, danh ngữ chỉ những tài sản quý giá cho thấy tiềm lực kinh tế của chủ thể, như: *3 tầng, 4 bánh, chiếc xe, tủ lạnh mỹ phẩm 700 lít, american express, iphone4 năm 2010, xe vietgang,...* Điều này một phần vì chủ đề *Sự giàu có* không chiếm tỉ lệ cao trong hệ thống các chủ đề, phần khác vì một nửa số bài thể hiện *sự giàu có* bằng hình ảnh chứ không phải bằng ngôn ngữ. Sự e dè của xã hội đối với việc khoe một cách trực tiếp, lộ liễu sự giàu có một phần khiến các chủ thể flex tiết chế trong sử dụng ngôn ngữ. Như vậy, ngữ cảnh tình huống của diễn ngôn đã chi phối tới cách lựa chọn những yếu tố ngôn ngữ phù hợp, nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp cao nhất của chủ thể flex.

3.2. Không khí của diễn ngôn flex

Không khí trong diễn ngôn flex được tạo nên bởi sự tương tác giữa các bên tham gia, gồm có: đối tượng tạo lập diễn ngôn (người đăng bài) và đối tượng tiếp nhận (người kiểm duyệt bài đăng, các thành viên trong nhóm). Bài viết này nghiên cứu diễn ngôn flex theo chiều từ người tạo lập đến người tiếp nhận bởi hai lí do sau: (1) Với các bài đăng đã xuất hiện được dùng làm ngữ liệu, vai trò của người kiểm duyệt không còn nữa; (2) Việc đối đáp giữa chủ thể tạo lập diễn ngôn và các thành viên trong nhóm ở phần bình luận không thường xuyên diễn ra.

Về *sự thể hiện cá nhân của người viết*, có thể thấy sự nổi bật của chủ thể tạo lập diễn ngôn. Đó là người khởi xướng việc giao tiếp và nắm quyền chủ động hoàn toàn trong việc quyết định đề tài - chủ đề diễn ngôn, trong cách sử dụng ngôn ngữ, vận dụng các chiến lược giao tiếp hay thể hiện thái độ với nội dung mệnh đề và với người nghe,... Người viết như những “ngôi sao” trên sân khấu của mình, ở đó họ vận dụng rất tốt *quyền được nói* và nhận được sự tán đồng hay những chia sẻ nương theo từ đám đông (thành viên trong nhóm).

Về *vị thế xã hội*, chủ thể tạo lập diễn ngôn và thành viên trong nhóm có vị thế ngang bằng nhau khi họ cùng tham gia trong nhóm “Flex đến hơi thở cuối cùng” - một diễn đàn mở, nơi mọi người nhận diện nhau qua tên tài khoản và ảnh đại diện. Những thông tin về nghề nghiệp, chức danh, địa vị xã hội thường bị ẩn đi hoặc không thực sự được quan tâm. Sự bình đẳng tương đối về quan hệ xã hội này giúp họ thoải mái thể hiện chính mình, khoe về những điều mình có mà không cảm thấy ngại ngùng, tạo bầu không khí cởi mở, không gò bó.

Về *khoảng cách xã hội (quan hệ thân hữu)*, chủ thể tạo lập diễn ngôn và các thành viên trong nhóm hầu như không quen biết nhau từ trước. Điểm đặc biệt là khi cùng gia nhập một hội nhóm, họ

trở thành “quen biết” nhau và không câu nệ nghi thức xã giao. Vì vậy, có thể khẳng định cuộc giao tiếp giữa chủ thể tạo lập diễn ngôn và các thành viên trong nhóm thuộc *giao tiếp phi quy thức*.

Những biểu hiện về ngôn ngữ thực hiện chức năng liên nhân trong bài đăng của các chủ thể tạo lập diễn ngôn gồm: từ ngữ xưng hô, từ ngữ tình thái, các kiểu câu và chiến lược lịch sự được sử dụng.

3.2.1. Từ ngữ xưng hô

Trong 250 diễn ngôn flex, chúng tôi thống kê được 192/250 (chiếm tỉ lệ 76,8%) diễn ngôn có sử dụng từ ngữ xưng hô. Trong đó, những diễn ngôn chỉ có *hô* chiếm tỉ lệ rất thấp (6/192 bài, chiếm 3,13%); những diễn ngôn chỉ có *xưng* chiếm tỉ lệ cao nhất (112/192 bài, chiếm 58,33%) và những diễn ngôn có cặp từ xưng - hô ở mức khá cao (74/192 bài, chiếm 38,54%). Những con số này cho thấy sự thể hiện cá nhân ở mức độ cao của những người tham gia flex, tô đậm *quyền được nói*, đặc biệt là nói về bản thân mình, của chủ thể tạo lập diễn ngôn.

Những từ ngữ dùng để *xưng* chủ yếu gồm 03 nhóm, với những đặc điểm về vai và khoảng cách khác nhau, cụ thể:

- Nhóm 1: *mình/ tớ/ chúng mình* và tên riêng (72,59%), thể hiện sự bằng vai, thân mật.
- Nhóm 2: *em* (13,97%) thể hiện chủ thể flex ở vai dưới, gần gũi.
- Nhóm 3: *tôi/ chúng tôi/ tui* (13,44%) thường thể hiện sự bằng vai, thái độ trung tính. Tuy nhiên, với giới trẻ Việt hiện nay, cách xưng này đã ít nhiều biến đổi về sắc thái nghĩa liên nhân khi được dùng trong giao tiếp, trở nên hài hước, thân mật hơn, đặc biệt khi kết hợp với những từ để hô như “ông”, “bác”. Ví dụ: “*Bức ảnh triệu like đầu tiên của em bé Việt Nam được chụp bởi tôi. Flex hoan hỉ các bác*” (Bài số 80).

Một số từ ngữ dùng để *hô* được sử dụng nhiều trong diễn ngôn flex gồm:

- *Mọi người* (34 lượt, chiếm tỉ lệ 39,75%) thể hiện sự bằng vai, thái độ trung tính. Cách hô này chủ yếu được sử dụng kết hợp với cách xưng *mình/ chúng mình* (24 lượt) giúp giảm sắc thái trung tính, tăng thêm sự gần gũi.
 - *Cả nhà, đại gia đình, anh em/anh chị em, em, cậu, bác* - nhóm các từ chỉ thân tộc (23 lượt, chiếm tỉ lệ 27,71%), thể hiện sự tôn xưng với người nghe/ người tiếp nhận, tạo nên sự thân mật, gần gũi. Việc dùng các từ chỉ quan hệ thân tộc để xưng hô là một nét văn hoá đặc sắc của người Việt.
 - *Bạn/ các bạn/ mấy bạn* (15 lượt, chiếm tỉ lệ 18,07%) thể hiện sự bằng vai, gần gũi.
- Hầu hết các bài đăng có cả *xưng* và *hô* đều sử dụng ít nhất một biểu thức xưng (hoặc hô), thể hiện sự bằng vai và khoảng cách gần gũi, thái độ thân mật. Những bài đăng mà cả hai biểu thức xưng - hô đều thể hiện sự không ngang bằng về vai giao tiếp với thái độ trung tính, xa cách rất ít.

Như vậy, qua khảo sát các từ ngữ xưng hô của diễn ngôn flex, có thể thấy: mối quan hệ giữa chủ thể tạo lập diễn ngôn và người tiếp nhận là ngang bằng về vai giao tiếp. Chủ thể flex chủ động thu hẹp khoảng cách với người tiếp nhận, thể hiện thái độ gần gũi, thân tình. Điều này có thể xuất phát từ chiến lược giao tiếp của người tạo lập diễn ngôn, nhằm tạo bầu không khí thân mật giúp việc *khoe* trở nên “dễ chịu” và dễ được đón nhận hơn; cũng có thể do sự cởi mở của môi trường mạng xã hội nên các từ ngữ xưng hô ít chịu ảnh hưởng của yếu tố tuổi tác, quyền lực và vị thế xã hội.

3.2.2. Từ ngữ tình thái

Dưới đây là những từ ngữ tình thái được sử dụng với tần suất dày đặc trong diễn ngôn flex.

- *Vị từ tình thái: có thể, phải, mong, muốn, hi vọng, được, ...*

Ví dụ: *Nay xuống nhà ngoại chơi. Không may làm vỡ cái bát, phải đi bỏ bằng cái gầu hót rác từ năm 1972, làm bằng xác máy bay B52 này.* (Bài số 102). Trong diễn ngôn trên, người viết nêu ra hoàn cảnh để tạo điều kiện cho việc khoe. Vì vậy, vị từ *phải* được người viết sử dụng với chủ đích tự ràng buộc mình vào việc thực hiện hành động, nâng cao tính cần thiết của vấn đề, từ đó làm nổi bật nội dung flex.

- *Quán ngữ tình thái: thì phải, đơn giản là, mỗi tội, trộm vía, ai ngờ,...*

Các quán ngữ đều được sử dụng nhằm thực hiện chiến lược giao tiếp tình tế, hài hước của chủ thể. Ở đó, họ vừa nhấn mạnh nội dung flex, vừa tỏ ra rằng mình đánh giá thấp điều được flex, thể hiện sự khiêm tốn. Ví dụ: *Nếu em không nhằm thì bên em là CLB Billiard đầu tiên có nút bạc riêng thì phải.* (Bài số 51); *Đơn giản là tôi rú được vô địch nữ Đông Nam Á bơi lội Nguyễn Thị Ánh Viên ra sông và bơi...* (Bài số 28); *Chồng mình được cái học giỏi đẹp trai mỗi tội đang học Tiến sĩ nên nghèo lắm các bạn ạ.* (Bài số 202)

- *Tiểu từ tình thái: ạ, nhé, nha, nhi,...*

Các tiểu từ tình thái đều được sử dụng nhằm thể hiện thái độ thân mật, gần gũi của chủ thể tạo lập diễn ngôn với người tiếp nhận. Đặc biệt, từ *ạ* xuất hiện nhiều nhất với 49 lần, cho thấy chủ thể đã chủ động hạ vai giao tiếp, có ý tôn xưng đối tượng tiếp nhận. Ví dụ: *Mình flex nhẹ đầu năm mới chút và chúc cho mọi người năm 2024 thành công rực rỡ ạ.* (Bài số 152); *Chẳng biết flex gì, cho em flex là công ty em bao nguyên rạp để xem "Đào, Phở và Piano" có được không ạ?* (Bài số 21); *Ai có nhã hứng kết nối công việc thì ib nhé!* (Bài số 169).

- *Trợ từ: chắc, chỉ, thôi, mỗi, mới, chút,...*

Trợ từ biểu thị mức độ tin cậy chắc thường được kết hợp với mệnh đề mang tính đánh giá về độ phổ biến thấp của điều sắp được flex: “không nhiều người có”, “ít người làm được”, “không ai chơi món này đâu”,... Cách kết hợp này hướng tới mục đích thể hiện sự độc đáo, đặc biệt của nội dung flex, nhưng đồng thời tránh khẳng định tuyệt đối gây phản cảm.

Các trợ từ thường được sử dụng trong diễn ngôn flex với hai loại ý nghĩa:

(1) Đánh giá về điều được flex là ít ỏi, không đáng nói (dù thực tế nội dung được flex rất đáng tự hào, có giá trị cao theo lẽ thường) nhằm mục đích vừa tỏ ra khiêm tốn vừa nhấn mạnh điều mình có. Ví dụ: *thấy mọi người flex quá là đỉnh còn mình thì chỉ có shop slime nhỏ lúc 12 tuổi* (Bài số 248)

(2) Đánh giá về điều được flex là độc đáo, hiếm có, thậm chí duy nhất. Ví dụ: *Trong hội máu hiếm thì ko thiếu thành viên nhưng siêu hiếm thì chỉ có em vs 3 anh chị khác.* (Bài số 12)

3.2.3. Các kiểu câu

Dưới đây là kết quả thống kê các kiểu câu được sử dụng trong diễn ngôn flex xét trên lục ngôn trung theo quan điểm của Cao Xuân Hạo:

Bảng 2. Các kiểu câu xét theo lục ngôn trung trong diễn ngôn flex

Kiểu câu		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Câu nghi vấn	Chính danh	35	3,1
	Câu khiến	24	2,11
	Khẳng định	3	0,26
	Phủ định	2	0,17
	Cảm thán	2	0,17
	Phỏng đoán	2	0,17
Câu ngôn hành		93	8,18
Câu trần thuật		976	85,84
Tổng		1137	100

Có thể thấy số lượng *câu trần thuật* chiếm tỉ lệ cao nhất (85,84%). Như vậy, sự trao đổi giữa chủ thể tạo lập diễn ngôn và người tiếp nhận hầu hết thông qua sự chia sẻ thông tin (*information*).

Chức năng thông tin không chỉ được thể hiện ở các câu trần thuật mà còn ở các *câu nghi vấn chính danh*. Câu nghi vấn được dùng với 2 mục đích chính: (1) Cung cấp thông tin về những điều được flex, đôi khi đồng thời nhấn mạnh tính hiếm có, độc đáo, hoặc duy nhất của chúng; (2) Thu hẹp khoảng cách, tạo sự tương tác, gần gũi với người tiếp nhận diễn ngôn. Ví dụ: *Hi mọi người, chắc các bạn cũng đã thấy nhiều người Việt đi du lịch tới bộ lạc Tsaatan ở Mông Cổ rồi đúng ko?* (Bài số 218).

Câu nghi vấn có giá trị cầu khiến và *câu cầu khiến* chiếm một phần nhỏ trong diễn ngôn flex (2,11%), chủ yếu là những lời động viên, lời chúc, lời nhắn nhủ tạo sự gần gũi, thân tình. Ví dụ: *Cố lên nhé các bạn!* (Bài số 24); *Đam mê là không bao giờ được từ bỏ nha!* (Bài số 37).

Câu ngôn hành cũng được sử dụng nhằm thực hiện chức năng liên nhân. Đó là những lời chào, lời cảm ơn, lời chúc,... thể hiện thái độ thân thiện, gần gũi. Ví dụ: *Chào cả nhà.* (Bài số 162); *Cảm ơn mọi người đã đọc bài viết này ạ.* (Bài số 162); *Chúc mọi người cái tết bình an.* (Bài số 34).

Chiếm một phần lớn trong kiểu câu ngôn hành là những câu có chứa vị từ tình thái *xin, xin phép* (53,76%), chúng được sử dụng nhằm bớt gây ấn tượng nặng nề về hành động khoe, thể hiện thái độ khiêm tốn, nhã nhặn trong giao tiếp. Ví dụ: *Em xin flex bằng ghi chép của sơ đồ phá hệ nhà em!* (Bài số 179); *Xin được flex: 30 tuổi vẫn còn răng sữa* (Bài số 52).

3.3. Phương thức của diễn ngôn

Như đã nói, diễn ngôn flex là diễn ngôn đa phương thức, bao gồm cả kênh chữ và kênh hình. Về hình thức trình bày, do bị ràng buộc bởi các quy tắc của trang mạng xã hội Facebook, các bài đăng luôn có phần chữ bên trên và phần hình bên dưới. Số lượng câu và hình ảnh trong mỗi diễn ngôn khá đa dạng, tùy thuộc vào mục đích của chủ thể tạo lập diễn ngôn.

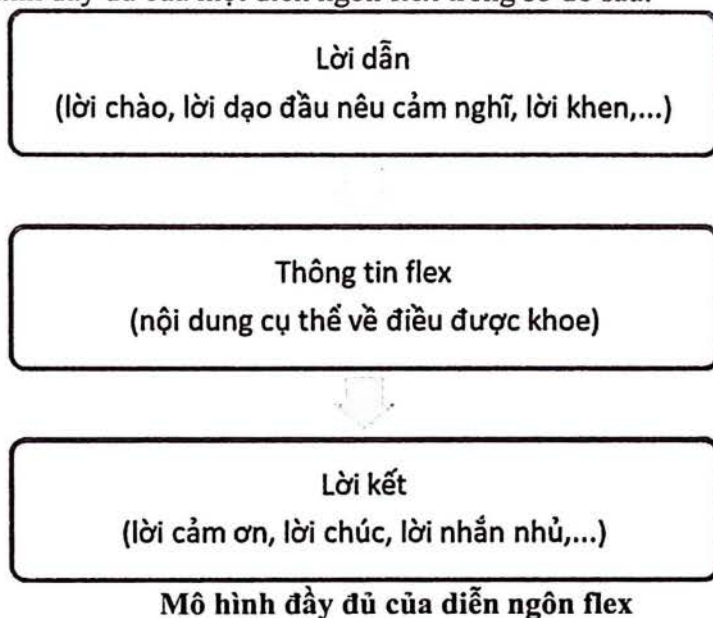
Về *số lượng câu*, diễn ngôn flex có số lượng câu ngắn nhất là 01 câu và dài nhất là 31 câu, phản ánh những dụng ý khác nhau của chủ thể tạo lập diễn ngôn (chia sẻ thông tin nào, chia sẻ sơ lược hay chi tiết, chia sẻ nhiều ở ngôn ngữ hay để hình ảnh nói lên nội dung flex, phần ngôn ngữ ngắn nhưng chia sẻ nhiều hình ảnh hoặc ngược lại,...). Số lượng diễn ngôn từ 5 câu trở xuống chiếm phần lớn (188/250 bài, chiếm tỉ lệ 75,2%), đặc biệt số lượng diễn ngôn chỉ có 1 câu là 99/250 bài, chiếm tỉ lệ 39,6%. Với tổng số là 1137 câu, trung bình một diễn ngôn dài 4,55 câu. Từ những số liệu đó có thể thấy diễn ngôn flex đa phần là các diễn ngôn ngắn.

Về *số lượng hình ảnh*, diễn ngôn flex có số lượng hình ảnh khá đa dạng, ít nhất là 01 ảnh và nhiều nhất là 19 ảnh, phản ánh những dụng ý khác nhau của chủ thể tạo lập diễn ngôn. Số lượng diễn ngôn có 05 hình ảnh trở xuống chiếm phần lớn (194/250 bài, chiếm tỉ lệ 77,6%), đặc biệt số lượng diễn ngôn chỉ có 01 hình ảnh là 102/250 bài, chiếm tỉ lệ 40,8%. Với tổng số là 962 hình ảnh, trung bình một diễn ngôn chứa 3,85 hình ảnh. Nhưng con số trên cho thấy hình ảnh là một phần quan trọng, không thể thiếu trong diễn ngôn flex. Hình ảnh tạo nên tính đa phương thức cho diễn ngôn flex, đồng thời tạo nên sự hấp dẫn của hiện tượng này.

3.3.1. Mô hình diễn ngôn

Mô hình đầy đủ nhất của kênh chữ trong diễn ngôn flex gồm có ba phần: lời dẫn, thông tin flex và lời kết. Trong đó, lời dẫn là những biểu thức ngôn ngữ có tính dẫn dắt vào bài đăng như lời chào (*Chào các anh chị và các bạn*), lời đạo đầu về cảm nhận của bản thân, lời khen dành cho những người khác (*Thật sự rất ngưỡng mộ các anh chị và các bạn trong group qua các bài post*) hay lời tự nhận khiêm tốn về mình (*Em cũng chẳng có gì đặc biệt cho lắm...*),... Thông tin flex là phần nội dung về những điều người viết muốn khoe. Lời kết là những biểu thức ngôn ngữ có tính chất khép lại bài đăng một cách lịch sự như lời cảm ơn (*Cảm ơn mọi người đã lắng nghe*) hay những lời chúc

(*Chúc cả nhà năm mới bình an*), lời nhắn nhủ của người viết đến người đọc (*Cố lên các bạn ui!!*),... Có thể khái quát mô hình đầy đủ của một diễn ngôn flex trong sơ đồ sau:



Tuy nhiên, do tính tự do của việc tạo lập văn bản trên không gian mạng xã hội và do chủ ý của người viết, bên cạnh mô hình đầy đủ, diễn ngôn flex có thể đi theo các mô hình: không có lời kết, không có lời dẫn hoặc không có cả lời dẫn và lời kết.

Mô hình không có lời kết (59/250 bài, chiếm tỉ lệ 23,6%) nhiều gấp đôi mô hình không có lời dẫn (27/250 bài, chiếm tỉ lệ 10,8%), cho thấy xu hướng coi trọng việc dẫn vào đầu tiên hơn là có lời khép lại ở cuối của chủ thể tạo lập diễn ngôn flex. Trong khi mô hình đầy đủ chiếm thiểu số (32/250 bài, 12,8%) thì mô hình tối giản không có lời dẫn và lời kết chiếm đa số (132/250 bài, 52,8%), cho thấy diễn ngôn flex thiên về sự ngắn gọn, có xu hướng tiếp cận trực diện vấn đề. Cũng bởi sự cởi mở của không gian mạng xã hội nên chủ thể tạo lập diễn ngôn cũng không cảm thấy bắt buộc phải mở và kết một cách chuẩn chỉ. Đây là dấu hiệu chỉ dẫn về không khí thân mật, có phần suồng sã của các bên tham gia trong hiện tượng flex. Một số ví dụ cho diễn ngôn có mô hình tối giản này: *Tui flex vì được bơi cùng cá mập* (Bài số 120); *Flex đc nắm tay anh nỳ a* (Bài số 99); *Từ hồi học Harvard về, mình đang đóng góp công sức nhỏ bé cho sự phát triển của giáo dục vì thế hệ tương lai của Việt Nam* (Bài số 81).

Như vậy có thể thấy, cách thức xây dựng mô hình diễn ngôn có mối liên hệ với nội dung chủ đề cũng như không khí của diễn ngôn.

3.3.2. Một số đặc điểm về từ ngữ trong diễn ngôn

Ngôn ngữ được sử dụng trong diễn ngôn flex có nhiều dấu ấn của ngôn ngữ mạng, nổi bật với sự xuất hiện của teencode, hiện tượng trộn mã và hiện tượng nhấn mạnh từ ngữ trong dấu ngoặc đơn.

Teencode (mã ngôn ngữ của giới trẻ) là một loại ngôn ngữ dạng kí tự mã hoá mang bản sắc riêng của giới trẻ. Trong diễn ngôn flex, đó là các từ ngữ tiếng Việt được mã hoá thành những kí tự đặc biệt hoặc kí tự viết tắt. Hiện tượng teencode xuất hiện 93 lần trong 48/250 diễn ngôn (chiếm tỉ lệ 19,2%). Những kí tự đặc biệt được tạo nên bằng nhiều cách khác nhau, ví dụ như: “nghìn” biến âm thành “k” (*Sau khi thi xong thấy page lên 2k follow*); “trầm cảm” biến âm thành “trầm kēm”, “muốn” đổi từ uô sang u thành “mún” (*Vào group thấy mọi người flex mà tui mún trầm kēm*); “tì” thêm nguyên âm o thành “tôi” (*Tôi flex đờ chơi nhà trồng: KL brachio cao 6m: 5 tôi*); “thôi”, “tôi”, “rồi” đổi từ ô sang u thành “thui”, “tui”, “rui”; “không” bỏ phụ âm k thành “hông” (*Sau khoảng thời gian*

đần đờ rất lâu thì nay mình xin phép khoe với mn thứ cũng hông to tát gì...). Những kí tự viết tắt được tạo nên bằng cách rút gọn một bộ phận của từ, giữ lại các âm đầu, ví dụ: “anh chị em” thành “ace”, “bao giờ” thành “bh”, “bệnh viện” thành “bv”, “như thế nào” thành “ntn”,...

Trộn mã (codes mixing) là “hiện tượng trong khi giao tiếp, thành phần mã ngôn ngữ A ở một mức độ nhất định “trộn” vào mã ngôn ngữ B. Mã ngôn ngữ B đóng vai trò chủ đạo, còn mã ngôn ngữ A chỉ đóng vai trò thứ yếu, có tính chất bổ sung” [Nguyễn Văn Khang, 2012, tr.387]. Hiện tượng trộn mã trong diễn ngôn flex là việc sử dụng tiếng Anh và các kí tự hình ảnh (emoji) lẫn vào trong diễn ngôn được viết chủ yếu bằng tiếng Việt, cho thấy dấu ấn của việc tiếp xúc giữa văn hoá Việt với văn hoá ngoại quốc.

Hiện tượng *trộn mã tiếng Việt và tiếng Anh* xuất hiện 639 lần trong 209/250 diễn ngôn (chiếm tỉ lệ 84%) - một con số ấn tượng. Về đặc điểm ngữ âm, có hai cách cơ bản để chêm xen từ ngữ tiếng Anh: (1) giữ nguyên các từ ngữ gốc trong tiếng Anh, ví dụ như *flex, game, casting, format, deadline,...*; (2) biến đổi, rút gọn, hoặc sử dụng các từ ngữ tiếng Anh viết tắt, ví dụ như *gr* (group), *sr* (sorry), *p/s* (postscript), *etc* (et cetera), *ytb* (youtube), *aka* (as known as), *info* (information),... hay tên riêng của các trường đại học *RMIT, HUB, TDMU,...* Về đặc điểm ngữ pháp, việc dùng kết hợp tiếng Anh diễn ra ở nhiều cấp độ bao gồm: từ, cụm từ và câu. Một số ví dụ về cụm từ: *the only author* (tác giả duy nhất), *pimary research* (nghiên cứu cơ sở), *just for fun* (chỉ để cho vui thôi),... Một số ví dụ về câu: *Happy Valentines day* (Chúc mừng ngày lễ Tình nhân), *Freedom to be You* (Tự do là chính mình),...

Hiện tượng *trộn mã kí tự hình ảnh* xuất hiện 301 lượt trong 140/250 diễn ngôn (chiếm tỉ lệ 56%), cho thấy chủ thể flex rất ưa chuộng việc sử dụng kết hợp các kí tự hình ảnh với ngôn ngữ nhằm thực hiện mục đích giao tiếp của mình. Đó là 3 mục đích: (1) Đánh dấu các ý tách biệt trong một diễn ngôn dài, giúp người đọc dễ theo dõi; (2) Minh hoạ cho thông tin, giúp diễn ngôn sinh động, hấp dẫn; (3) Bày tỏ cảm xúc của chủ thể. Trong đó, mục đích thứ ba là phổ biến nhất. Những kí tự được dùng với mục đích này thường có hai ý nghĩa: làm rõ cảm xúc của chủ thể và là một phần của chiến lược giao tiếp nhằm giảm nhẹ lực ngôn trung của hành động khoe, ví dụ: *thấy mọi người flex quá là đĩnh còn mình thì chỉ có shop slime nhỏ lúc 12 tuổi 😊* (bài số 248). Ở diễn ngôn này, chủ thể khoe về việc mình sở hữu một cơ sở kinh doanh khi tuổi đời còn rất trẻ, hàm ý về sự thành công và giàu có. Kí tự mặt cười nhắm mắt, miệng mở với giọt mồ hôi (😓) như đang cười một cách gượng gạo, miễn cưỡng, mang lại cảm giác về sự ngượng ngùng của người viết khi nhắc tới thành tựu của mình. Qua đó, lực ngôn trung của hành động khoe được giảm bớt.

Hiện tượng nhấn mạnh từ ngữ trong dấu ngoặc đơn xuất hiện 173 lần trong 66/250 diễn ngôn (chiếm 26,4%). Đây là những thông tin quan trọng, liên quan trực tiếp đến nội dung flex nhưng được trình bày dưới hình thức thành phần phụ chú trong câu với hai mục đích chính: (1) làm rõ cho thông tin trước đó, đồng thời nhấn mạnh thông tin trong dấu ngoặc và (2) cố gắng mang lại cảm giác những thông tin đó là thông tin phụ nhằm giảm bớt tính chất khoe. Ví dụ: trong diễn ngôn số (103): *Người con gái (chỉ được 1m75) như tôi chắc có lẽ nhỏ hơn cỡ hạt cát giữa sa mạc thôi*, phần từ ngữ trong ngoặc là thông tin flex chính; hay trong diễn ngôn số (202): *Giờ đang đi làm cho chồng yên tâm ăn học (chồng mình được cái học giỏi đẹp trai mỗi tôi đang học Tiến sĩ nên nghèo lắm các bạn a)*, phần từ ngữ trong ngoặc hoàn toàn chuyển hướng flex của diễn ngôn, từ khoe về sự tháo vát của bản thân sang khoe về sự ưu tú của người chồng.

4. Kết luận

Diễn ngôn flex ra đời trong hoàn cảnh xã hội hiện đại, là tiếng nói tự hào, tự tin của giới trẻ về những ưu thế hoặc điều khác biệt của bản thân. Nó có những đặc điểm như sau về ngữ vực:

(1) Trường của diễn ngôn flex thể hiện những điều mà giới trẻ quan tâm: đề cao thành tựu trong học tập, công việc; tự tin với những khác biệt của mình; tự hào và yêu quý gia đình; đam mê trải nghiệm, khám phá; thích cuộc sống có chất lượng, sung túc về vật chất, có nhiều sở thích thú vị; hâm

mộ thần tượng; chuộng đồ cổ; yêu động vật; có mong muốn đóng góp cho xã hội; giàu nghị lực và có tinh thần vượt khó,...

(2) Không khí của diễn ngôn flex là không khí cởi mở, thân tình, phi quy thức. Chủ thể tạo lập diễn ngôn vận dụng rất tốt *quyền được nói* của mình, tiếp thể của diễn ngôn giữ vai trò ủng hộ chủ thể. Vai giao tiếp của các cá nhân là ngang bằng nhau, không có sự phân biệt quyền lực, tuổi tác hay địa vị xã hội.

(3) Về phương thức của diễn ngôn, diễn ngôn flex đa phần là các diễn ngôn ngắn, với mô hình nổi bật là mô hình khuyết phần mở và phần kết. Hình ảnh là một phần quan trọng để biểu đạt nội dung flex khi trung bình một diễn ngôn có tới 3 hình ảnh đi kèm. Ngôn ngữ được sử dụng trong diễn ngôn flex có nhiều dấu ấn của ngôn ngữ mạng, nổi bật với sự xuất hiện của teencode, hiện tượng trộn mã và đặc biệt là một hiện tượng trái quy luật của tiếng Việt: hiện tượng nhấn mạnh từ ngữ nằm trong dấu ngoặc đơn.

(4) Lí thuyết ngữ vực đặc trưng bởi trường, thức và không khí là một lí thuyết có khả năng bao quát lớn, bao hàm trong nó nhiều khái niệm công cụ để có thể phân tích một diễn ngôn ở cả bề rộng và bề sâu. Lí thuyết này thể hiện sự đặc lực trong việc tìm hiểu một hiện tượng ngôn ngữ học xã hội đồ sộ, hứa hẹn tiềm năng ứng dụng rộng rãi.

Chú thích:

¹Các bài đăng được đánh số từ 1 đến 250. Xin xem trong QR code ở cuối bài.

²Sau này cụm từ “flex your muscles” được sử dụng như một thành ngữ trong tiếng Anh để chỉ việc “cố gắng để làm lo lắng đối thủ hoặc kẻ thù bằng cách phô diễn công khai sức mạnh quân sự, chính trị hoặc kinh tế” (Dẫn theo *Cambridge Dictionary*).

³Theo *YouNet Media*, trong tuần cao điểm của hiện tượng flex từ 11/7/2023 đến 17/7/2023, từ khoá flex dẫn đầu bảng xếp hạng *SocialTrend Ranking Slang* (xếp hạng các trào lưu xã hội thịnh hành trong mảng từ lóng) với 419,27 nghìn lượt thảo luận, bỏ xa từ lóng xếp hạng hai *xin vía* với 219,53 nghìn lượt thảo luận. Có hơn 20 nhãn hàng lớn nhanh chóng “bắt trend” khi nhận thấy sức lan toả mạnh mẽ của flex như Tiger, Lazada, Be, Viettel, Zalopay, Vincom, Durex,... và thu về lượt tương tác rất tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp - Diễn ngôn và Cấu tạo của văn bản*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Đinh Văn Đức, (2012), *Ngôn ngữ học đại cương - Những nội dung quan yếu*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Gillian Brown - George Yule (2002), *Phân tích diễn ngôn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, HN.
4. Cao Xuân Hạo (2006), *Tiếng Việt - Sơ thảo Ngữ pháp chức năng*, Nxb Khoa học xã hội.
5. Nguyễn Hòa (2008), *Phân tích diễn ngôn, một số vấn đề lý luận và phương pháp*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
7. David Nunan (1998), *Dẫn nhập phân tích diễn ngôn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Trần Kim Phượng (2013), *Phân tích diễn ngôn - Ứng dụng vào phân tích một truyện cười*, Tạp chí *Từ điển học và bách khoa thư Việt Nam* số tháng 5/2013.
9. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

NGỮ LIỆU KHẢO SÁT

250 bài flex của trang “Flex đến hơi thở cuối cùng”. Xem tại đây:

**Characteristics of (verbal) texts in flex discourse from register theory**

Abstract: Flex discourse is a product of the flex phenomenon - an attractive and interesting socio-linguistic phenomenon that attracts millions of people in the world as well as Vietnam. This is a type of multi-modal discourse, including both verbal text and image modes, recording pridetworthy facts or unique features of oneself or a loved one that the speaker wants to show off to everyone.

Exploring the verbal text mode in flex discourse from Register perspective - a basic theory of Discourse Analysis - helps us see the usefulness of this theory in researching discourse, and also gives us a better understanding of the way of speaking as well as the spiritual life of young people in modern society - a society where they can enjoy the freedom of expressing themselves to others.

Key words: discourse; discourse analysis; register; flex; text mode.